

Bản án số: 65/2022/KDTM-ST

Ngày: 05-9-2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Như Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị A.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thế Đức - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 8 năm 2022 và ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2020/TLST-KDTM ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 141/2022/QĐXXST-KDTM ngày 29 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2022/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1. Nguyên đơn:

Ngân hàng N.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 2 đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Trần Minh T (đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 56-58-60 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 566/GUQ-TD-TH ngày 14/9/2020)

2. Bị đơn: Công Ty TNHH TM H (vắng mặt).

Địa chỉ trụ sở chính: Số 17 đường Cửu Long, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn:

Ông Trần Thanh C, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 171/51 đường Tôn Đức, Phường 14, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG KHỞI KIẾN:

1. Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N cùng bản trình bày của ông Trần Minh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ngày 29-10-2013, Công Ty TNHH TM H đã ký hợp đồng tín dụng vay vốn với Ngân hàng N - Chi nhánh Thành Đô, số 6223 - LAV - 201300584 để thanh toán tiền mua xe khách hiệu FUSIN JB35SL, sản xuất năm 2007 để kinh doanh du lịch lữ hành nội địa. Thời hạn vay: 36 tháng. Tổng số tiền vay: 500.000.000 đồng. Lãi suất trong hạn: 12,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay tại thời điểm quá hạn và các thời điểm điều chỉnh lãi suất tương ứng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là xe ô tô biển số 51B-016.97, đăng ký ngày 20-9-2013; nhãn hiệu: Fusin; số loại: JB35SL; số máy: YC4G17020G0401700353; số khung: LJ16BT5E273002427 và xe ô tô biển số 51B-017.04, đăng ký ngày 18-10-2013; nhãn hiệu: Fusin; số loại: JB35SL; số máy: YC4G17020G0401700354; số khung: LJ16BT5E572200053.

Ngày 20-8-2015, bị đơn rút một phần tài sản bảo đảm là xe ô tô biển số 51B-016.97 để bán trả nợ vay cho nguyên đơn. Từ ngày 16-4-2016, bị đơn đã vi phạm hợp đồng tín dụng do không Thanh toán đầy đủ tiền gốc và lãi cho Argibank Thành Đô theo cam kết. Tính đến ngày 05-9-2022, bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền là 208.104.913 đồng, trong đó bao gồm:

- Tiền nợ gốc: 104.850.000 đồng.

- Tiền nợ lãi trong hạn: 62.668.125 đồng.

- Tiền nợ lãi quá hạn tính từ ngày 16-4-2016 đến ngày 05-9-2022: 40.586.788 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc cùng tiền lãi tính đến ngày 05-9-2022 là: 208.104.913 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 05-9-2022 cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Trong trường hợp bị đơn không Thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là xe ô tô biển số 51B-017.04 để thu hồi nợ.

2. Bị đơn Công Ty TNHH TM H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, triệu tập bị đơn đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện và để hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng, không có bản khai và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

3. Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N là ông Trần

Minh T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn Công Ty TNHH TM H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do tại phiên tòa lần thứ hai và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến.

+ *Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh:*

- *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, ra Thông báo thụ lý vụ án đúng pháp luật, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Thẩm phán ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng những quy định về thủ tục tố tụng.

- *Về nội dung:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”. Xét bị đơn có địa chỉ trụ sở chính tại Quận 10, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên”. Do không có đương sự yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về người đại diện tham gia tố tụng:

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công Ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0100686174 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, mã số chi nhánh: 0100686174-077 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp; Quyết định ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27-12-2019 và Giấy ủy quyền số 566/GUQ-TD-TH ngày 14-9-2020, ông Trần Minh T được đại diện Ngân hàng N tham gia tố tụng.

[4] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do. Do đó,

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về tiền nợ gốc:

Xét lời khai của nguyên đơn về việc bị đơn còn nợ số tiền gốc là 104.850.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại khoản 2 Điều 91 và Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản. Một bên đương sự không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Xét thấy bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, trong đó có ghi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp cho Tòa án, nhưng bị đơn không nộp cho Tòa án văn bản thể hiện sự phản đối của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, cũng như không có văn bản trình bày về số tiền đã thanh toán nợ gốc, nợ lãi, nên Hội đồng xét xử căn cứ hợp đồng tín dụng số 6223 - LAV - 201300584 ngày 29-10-2013, các bảng sao kê, các Thông báo của ngân hàng do nguyên đơn nộp cho Tòa án, chấp nhận lời khai của nguyên đơn.

2. Về tiền lãi:

Tại khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng quy định: *“Trong trường hợp khách hàng không Trả được nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng”*. Xét thấy bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ngày 16/4/2016, nguyên đơn chuyển toàn bộ dư nợ của bị đơn sang nợ quá hạn là phù hợp thỏa thuận giữa hai bên được quy định tại Điều 7 của hợp đồng tín dụng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Xét thấy lãi suất nợ quá hạn do hai bên thỏa thuận bằng 150% của lãi suất trong hạn là không Trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

3. Về nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

Căn cứ Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc Công Ty TNHH TM H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc là 104.850.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 62.668.125 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 05-9-2022 là 40.586.788 đồng.

Căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì kể từ ngày 06-9-2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành

án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

4. Về tài sản bảo đảm :

Căn cứ Hợp đồng thế chấp tài sản số 6223-LCL-201300614 ngày 29-10-2013 và văn bản trả lời xác minh số 2009/PC08-D9 ngày 31-3-2021 của Phòng Cảnh sát giao thông ĐB-ĐS - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, có cơ sở xác định chiếc xe ô tô biển số 51B-017.04, đăng ký ngày 18-10-2013; nhãn hiệu: Fusin; số loại: JB35SL; số máy: YC4G17020G0401700354; số khung: LJ16BT5E572200053 ; chủ xe là Công Ty TNHH TM H đã thế chấp cho Ngân hàng N để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đối với khoản tiền vay nêu trên.

Xét hình thức và nội dung của hợp đồng thế chấp tài sản số 6223-LCL-201300614 ngày 29-10-2013 xuất phát từ sự tự nguyện, không Trái pháp luật và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật nên hợp đồng đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Căn cứ Điều 4 của hợp đồng thế chấp tài sản và khoản 7 Điều 351, Điều 355 của Bộ luật Dân sự năm 2005, chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn: Trong trường hợp Công Ty TNHH TM H không Thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi nêu trên theo Quyết định của Tòa án, thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là xe ô tô biển số 51B-017.04, đăng ký ngày 18-10-2013; nhãn hiệu: Fusin; số loại: JB35SL; số máy: YC4G17020G0401700354; số khung: LJ16BT5E572200053 để thu hồi nợ.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005,

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng,

- Căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm,

- Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công Ty TNHH TM H thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ tính đến ngày 05-9-2022 là 208.104.913 (*hai trăm lẻ tám triệu, một trăm lẻ bốn nghìn, chín trăm mười ba*) đồng, (trong đó bao gồm: nợ gốc là 104.850.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 62.668.125 đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 05-9-2022 là 40.586.788 đồng).

Kể từ ngày 06-9-2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Trong trường hợp Công Ty TNHH TM H không Thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi nêu trên theo Quyết định của Tòa án, thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là xe ô tô biển số 51B-017.04, đăng ký ngày 18-10-2013; nhãn hiệu: Fusin; số loại: JB35SL; số máy: YC4G17020G0401700354; số khung: LJ16BT5E572200053 để thu hồi nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 10.405.246 (*mười triệu, bốn trăm lẻ năm nghìn, hai trăm bốn mươi sáu*) đồng, Công Ty TNHH TM H chịu.

Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.200.541 (*bốn triệu, hai trăm nghìn, năm trăm bốn mươi một*) đồng, theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0049633 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 10.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng N, Công Ty TNHH TM H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Như Nhiên

